

Số: 4147 /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng đối với 4 loài cây ngập mặn:
Dừa vôi, Dừa nước, Đước vôi và Tra bồ đề**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030”;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng đối với 4 loài cây ngập mặn, gồm: Dừa vôi (*Ceriops tagal*), Dừa nước (*Nypa fruticans*), Đước vôi (*Rhizophora stylosa*) và Tra bồ đề (*Thespesia populnea*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng ven biển, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, TP vùng ven biển;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG ĐỐI VỚI 4 LOÀI CÂY NGẬP MẶN: DÀ VÔI, DỪA NƯỚC, ĐƯỚC VÔI VÀ TRÀ BÒ ĐỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày / /2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng đối với 4 loài cây ngập mặn, gồm: Đà vôi, Dừa nước, Đước vôi và Trà bò đề nhằm hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất vùng ven biển đạt hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu đối với từng loại rừng theo quy định.

2. Yêu cầu

Hướng dẫn kỹ thuật quy định cụ thể nội dung và yêu cầu kỹ thuật từ khâu chọn điều kiện gây trồng, sử dụng nguồn giống, kỹ thuật thu hái giống đến tạo cây con, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng.

3. Đối tượng áp dụng

- Hướng dẫn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thực hiện các chương trình, dự án trồng, chăm sóc, bảo vệ và phục hồi rừng ngập mặn vùng ven biển (phòng hộ, đặc dụng và sản xuất) sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và khuyến khích áp dụng đối với các nguồn vốn khác.

- Hướng dẫn kỹ thuật này là cơ sở để xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật trồng rừng đối với 4 loài cây: Đà vôi, Dừa nước, Đước vôi và Trà bò đề.

4. Giải thích từ ngữ

Trong hướng dẫn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Lập địa* là điều kiện khí hậu, thủy văn, địa hình, đất đai và thực vật tại chỗ và xung quanh nơi sống của cây.

- *Dạng lập địa* là đơn vị cuối cùng của hệ thống phân chia lập địa để bố trí cây trồng và thiết kế kỹ thuật trồng rừng.

- *Điều kiện gây trồng* là các yếu tố hoàn cảnh ảnh hưởng đến tỷ lệ sống, sinh trưởng và phát triển của cây rừng ngập mặn, bao gồm: Điều kiện khí hậu, chế độ ngập triều, độ thành thực của đất và độ mặn của nước biển.

- *Độ mặn của nước biển* là tổng hàm lượng các muối hòa tan (tính theo gam) chứa trong 1 lít nước biển, ký hiệu là S (‰ hay g/l).

- *Tỷ lệ cát* là tỷ lệ phần trăm (%) của cấp cát trong một đơn vị khối lượng đất (đường kính từ 0,02-0,2 mm là cát mịn, đường kính từ 0,2-2,0 mm là cát thô).

- *Thế nền* là lớp đất mà rễ cây xâm nhập để lấy dinh dưỡng và giúp cây đứng vững.

- *Trụ mầm* là dạng hạt chín, được nẩy mầm trên cây mẹ, khi tách khỏi cây mẹ có khả năng mọc thành cây mới.

II. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Lập địa

Các dạng lập địa ngập mặn chủ yếu áp dụng cho trồng rừng ngập mặn ở Việt Nam được quy định trong Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Các dạng lập địa áp dụng cho trồng rừng ngập mặn vùng ven biển

Dạng lập địa	Các yếu tố			Vùng phân bố
	Số ngày ngập triều (ngày/tháng)	Thời gian phơi bãi (giờ/ngày)	Độ thành thực của đất	
Ia	>25	< 5	Bùn lỏng	Vùng mới bồi tụ, ngập thủy triều thường xuyên
Ib	20-25	5-8	Bùn mềm	Vùng bị ngập thủy triều thấp
Ic	10-19	Trên 8-14	Bùn chặt	Vùng bị ngập thủy triều trung bình
Id	5-9	Trên 14-19	Sét mềm	Vùng bị ngập thủy triều cao
Ie	< 5	Trên 19-dưới 24	Sét cứng	Vùng bị ngập thủy triều cao hoặc bất thường
Ig	Không ngập triều	24	Đất rắn chắc	Vùng không ngập triều

Độ thành thực của đất ngập mặn được xác định dựa vào độ lún sâu của chân đi trên đất ngập mặn, gồm có:

+ Đất bùn lỏng: Khi đi chân bị lún sâu >40cm và khi chân cử động tiếp tục lại có chiều hướng bị lún sâu hơn.

+ Đất bùn mềm: Khi đi chân bị lún sâu từ 30-40cm.

+ Đất bùn chặt: Khi đi chân bị lún sâu từ 15-30cm và khó rút chân lên.

+ Dạng sét mềm: Khi đi chân bị lún sâu từ 5-15cm.

+ Đất sét cứng: Khi đi chân đi lún sâu dưới 5cm.

+ Đất đất rắn chắc: Khi đất ẩm ướt nhưng chân đi không bị lún, chỉ in dấu chân.

2. Vườn ươm

Căn cứ vào mục đích và điều kiện cụ thể để xây dựng loại vườn ươm phù hợp. Vườn ươm được phân chia theo thời gian sử dụng, gồm:

+ *Vườn ươm cố định*: Sử dụng lâu dài.

- + *Vườn ươm tạm thời*: Sử dụng trong một vài năm.
- Cách bố trí vườn ươm, gồm:
- + *Vườn ươm cao*: Thiết lập trên địa hình cao không ngập nước.
- + *Vườn ươm chìm*: Đặt nơi địa hình thấp, ngập thủy triều.

PHẦN II. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG

A. CÂY DÀ VÔI (*Ceriops tagal*)

I. ĐIỀU KIỆN GÂY TRỒNG

- Phân bố: Cây Đà vôi phân bố ở Tây Phi, Madagascar, Mauritius, Đông Nam Á, Australia, Melanesia và Micronesia. Ở Việt Nam, loài này được phân bố trong khu rừng ngập mặn Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Cần Giờ, Bến Tre, Cà Mau).

- Vùng trồng: Cây Đà vôi được trồng ở vùng có lập địa tương đối ổn định, trên bùn mềm, bùn chặt hay sét mềm phía sau rừng Mắm, Bần; trong các đầm nuôi thủy sản kết hợp từ Quảng Nam đến Kiên Giang (từ 8°30' - 12°30' vĩ độ Bắc).

- Đất đai: Đất bãi bùn mềm hoặc sét mềm.

- Độ mặn của nước biển: Từ 10 đến 30‰ (độ mặn thích hợp từ 15-30‰).

- Khí hậu: Nhiệt độ trung bình 25,5-26,5°C và lượng mưa bình quân hàng năm 1.100 – 2.600 mm.

Điều kiện gây trồng Đà vôi trong bảng 2.

Bảng 2. Điều kiện gây trồng cây Đà vôi

Yếu tố	Điều kiện thuận lợi (nhóm I)	Điều kiện trung bình (nhóm II)	Điều kiện khó khăn (nhóm III)
Thế nền	Bùn mềm hoặc đất có tỷ lệ cát < 50%	Bùn chặt hoặc sét mềm; đất có tỷ lệ cát từ 50- 75%	Sét cứng hoặc đất có tỷ lệ cát > 75%
Số ngày ngập triều	Từ 20-25 ngày/tháng	Từ 5-19 ngày/tháng	Từ 2-4 ngày/tháng
Thời gian phơi bãi	5-8 giờ/ngày	Trên 8-19 giờ/ngày	< 5 giờ/ngày
Dạng lập địa	Ib	Ic, Id	Ie

Chú ý: Đối với dạng lập địa khó khăn, đất có tỷ lệ cát trên 75% hạn chế trồng rừng Đà vôi. Nếu trồng trên dạng lập địa này cần phải có yêu cầu cao về giải pháp kỹ thuật (cải tạo thế nền, phương thức trồng và tiêu chuẩn cây trồng phù hợp).

II. THU HÁI VÀ BẢO QUẢN TRỤ MÀM

1. Nguồn giống

Trụ mầm Đà vôi được thu hái từ các nguồn giống đã được công nhận (còn hiệu lực). Nơi chưa có nguồn giống được công nhận thì thu hái từ những khu rừng sinh trưởng tốt, từ 7 tuổi trở lên, cây có đường kính (D1,3m) trên 5 cm và chiều cao trên 4 m, cây sinh trưởng khoẻ mạnh, không bị sâu bệnh.

2. Thu hái và bảo quản

- Đặc điểm trụ mầm: Trụ mầm dài từ 20-27cm; khoảng 145 trụ mầm/kg. Trụ mầm tốt còn nguyên vẹn, màu xanh vàng hoặc nâu nhạt, chưa mọc rễ ở trụ mầm, không bị sâu hại.

- Thời vụ thu hái: Trụ mầm bắt đầu chín từ tháng 7-12, nhưng thời gian thu hái trụ mầm Đà vôi tốt nhất từ tháng 8 đến tháng 10.

- Cách thu hái: Thu trụ mầm chín rụng xuống, dùng lưới để thu trụ mầm trôi trên mặt nước hoặc thu hái trực tiếp từ cây mẹ.

- Phân loại, bảo quản: Trụ mầm sau khi thu hái về phải tiến hành phân loại. Loại bỏ những trụ mầm còn non khi chưa rời khỏi trái, những trụ mầm bị sâu bệnh, gãy, trầy xước.

- Trụ mầm giảm tỷ lệ nảy mầm rất nhanh trong điều kiện bình thường, do đó sau khi thu hái, cần cấy ngay vào bầu, khi không cấy kịp thời cần bảo quản bằng cách để trụ mầm ở nơi có dòng nước chảy, dưới bóng râm. Nếu để ở nơi khô ráo, thì rải đều thành một lớp mỏng, dày không quá 20 cm, mỗi ngày tưới nước 2 lần (lần một vào sáng sớm, lần hai vào buổi chiều). Thời gian bảo quản không quá 5 ngày.

III. TẠO CÂY CON

1. Vườn ươm

- Vườn ươm cố định đặt ở nơi có điều kiện thuận lợi về giao thông để vận chuyển cây giống, gần địa điểm trồng rừng và có nền đất tương đối bằng phẳng, thủy triều lên xuống thường xuyên.

- Vườn ươm tạm thời đặt ở nơi có sóng biển yếu, địa hình thấp, thủy triều lên xuống thường xuyên, thời gian phơi bãi trên 8 giờ/ ngày.

- Nền luống đặt bầu có chiều rộng từ 1,0-1,2m, chiều dài tùy theo địa hình của vườn ươm nhưng không dài quá 15m để dễ dàng chăm sóc và kiểm tra độ ngập của luống bầu. Giữa các luống là lối đi rộng từ 50-60cm để chăm sóc và cũng là bờ luống. Chiều sâu của luống tùy thuộc chiều cao của bầu nhưng thấp hơn mặt lối đi ít nhất 5cm. Đầu các luống có rãnh thoát nước khi thủy triều rút. Ngoài ra, cũng có thể sử dụng vườn ươm bằng phẳng có bờ bao xung quanh, chiều dài luống dọc theo hướng thủy triều lên xuống.

2. Tạo bầu

- Loại túi bầu: Sử dụng túi bầu polyetylene (PE) hoặc túi bầu sinh học có độ bền cao chịu được điều kiện ngâm trong nước biển, không bị hư hỏng trong quá trình đóng bầu; có lỗ nhỏ ở xung quanh đáy bầu để thoát nước. Kích thước túi bầu 13x18cm (chu vi 26cm, cao 18cm), bầu 18x22cm (chu vi 36cm, cao 22cm) hoặc bầu 22x25cm (chu vi 44 cm, cao 25 cm) hoặc bầu có thể tích tương đương với kích thước trên.

- Hỗn hợp ruột bầu gồm: Đất bùn mềm ngập thủy triều hàng ngày để đóng bầu, đất được lấy ở tầng mặt có độ sâu từ 0-20 cm, độ pH từ 6,5-7,0. Nếu đất nghèo dinh dưỡng bổ sung thêm 10% phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng hoai mục tính theo khối lượng.

- Đóng bầu: Cho hỗn hợp ruột bầu tới 1/3 chiều cao túi bầu, lèn chặt để định hình bầu, sau đó cho hỗn hợp đầy tới miệng bầu.

- Xếp bầu: Mặt luống xếp bầu phải được san phẳng, nhặt sạch cỏ. Xếp bầu theo hàng, lấp đất xung quanh luống để giữ bầu.

3. Cấy trụ mầm vào bầu

Sau khi phân loại, chọn trụ mầm đạt tiêu chuẩn, cấy phần đuôi của trụ mầm vào bầu đất sâu từ 6 - 8cm. Mỗi bầu chỉ cấy 1 trụ mầm. Cấy trụ mầm vào ngày râm mát, tránh ngày mưa bão.

4. Chăm sóc cây con trong vườn ươm

a) Làm giàn che, điều tiết nước

- Làm giàn che sáng cây con bằng lưới màu đen hoặc các vật liệu che sáng khác trong khoảng thời gian 1 tháng đầu. Tùy theo tình hình thời tiết và tình trạng của cây mà điều chỉnh tỷ lệ che sáng khoảng 25-50%. Sau đó giảm dần cường độ và tỷ lệ che sáng khi cây con bắt đầu đã ổn định. Sau 1 tháng, dỡ bỏ giàn che hoàn toàn.

- Điều tiết nước: Khi mầm mới cấy, mỗi ngày lấy nước hoặc bơm ngập luống một lần. Khi cây đã lớn, nhu cầu nước tăng lên, cần lấy nước thủy triều vào ngập bầu.

b) Nhổ cỏ, phá váng, bón phân, đảo bầu.

- Nhổ cỏ, phá váng: Nhổ cỏ thường xuyên, xới đất thông thoáng tăng khả năng thấm nước, giảm sự bốc hơi bề mặt. Khi xới dùng que nhỏ hoặc mũi dao nhọn để xới nhẹ, sâu khoảng 2-3 cm, xa gốc, tránh làm cho cây con bị tổn thương.

- Bón phân: Nếu cây có biểu hiện thiếu dinh dưỡng, lá có màu xanh vàng, hòa phân vào nước để tưới cho cây, 1 lít nước hòa 3-4g phân NPK (tỷ lệ 16-16-8). Sau khi tưới phân, phải dùng nước lã để tưới rửa, không để phân bám trên lá, dễ gây cháy lá. Trong lần bón phân cuối cùng chỉ nên sử dụng phân lân và kali nhằm giúp cây cứng cáp trước khi xuất vườn và phải ngưng hẳn việc bón phân để hãm cây trước khi xuất vườn 30 ngày.

- Đảo bầu: Định kỳ 3 tháng tiến hành đảo bầu một lần khi hệ rễ Đà vôi phát triển mạnh, bằng cách dịch chuyển bầu để tránh rễ cắm sâu vào đất. Tiến

[illegible]

2. Phương thức trồng

Cây Đà vôi có thể trồng thuần loài hoặc hỗn giao. Trồng thuần loài, bố trí theo hàng nanh sấu. Trồng bổ sung theo hàng hoặc theo đám vào rừng Mắm, Bần thoái hóa, rừng thưa với khoảng trống trên 500 m² hoặc độ tàn che dưới 0,4.

3. Mật độ trồng

Đà vôi được trồng bằng trụ mầm hoặc cây con có bầu. Mật độ trồng, phương thức trồng được chia thành 3 nhóm điều kiện gây trồng như bảng 5.

Bảng 5. Mật độ trồng Đà vôi theo nhóm lập địa và phương thức trồng

Phương thức trồng	Nhóm I	Nhóm II	Nhóm III
Trồng thuần loài bằng trụ mầm	6.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,3 x 1,3 m)	8.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,0 x 1,25 m)	10.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,0 x 1,0 m)
Trồng thuần loài bằng cây con có bầu	3.300 (cây/ha) (khoảng cách 1,0 x 3,0 m)	4.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,6 x 1,6 m)	5.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,4 x 1,4 m)
Trồng bổ sung bằng cây con có bầu	1.600 (cây/ha) (khoảng cách 2,0 x 3,0 m)	2.000 (cây/ha) (khoảng cách 1,5 x 3,0 m)	3.300 (cây/ha) (khoảng cách 1,0 x 3,0 m)

4. Xử lý thực bì và làm đất

a) Xử lý thực bì

- Nơi bãi bồi cửa sông, ven biển có đất đã ổn định và phía sau dải rừng Mắm, Bần: Nếu nơi trồng Đà vôi có thực bì, chỉ nên xử lý thực bì cục bộ theo băng, bằng cách phát ngọn thực bì bề ngang rộng 1m, phần thực bì còn lại sẽ hạn chế sóng biển, chống xói lở đất, hỗ trợ cho Đà vôi trong thời gian mới trồng.

- Nơi đất ổn định, có đê đập bao xung quanh: Nếu có thực bì thì cần xử lý toàn diện.

b) Làm đất

Trồng Đà vôi bằng cây con có bầu, làm đất như sau:

- Nhóm I: Trồng Đà vôi nơi lập địa dễ, không cần làm đất, khi trồng dùng tay hoặc dụng cụ tạo hố phù hợp kích thước bầu, tạo điều kiện đặt bầu dễ dàng.

- Nhóm II: Đào hố kích thước 30x30x30cm hoặc lớn hơn tùy theo kích thước bầu.

- Nhóm III: Điều kiện khó khăn

+ Nơi đất sét cứng không ngập nước triều: Cần hạ độ cao và độ mặn của đất, cho đất ngập triều bằng cách tạo thành các mương lếp. Các mương song song với bờ thửa đất, cách nhau khoảng 4-6 m, mương rộng 1-1,5 m, sâu 0,5-1,0 m.

+ Nơi đất ngập triều thường xuyên: Cần đắp thành các líp, song song, cách nhau khoảng 4-6 m, hoặc 10-12 m; mương rộng khoảng 2-4 m và sâu ít nhất là 0,5-1,0 m. Số lượng, kích thước và cách bố trí mương tùy thuộc vào cao trình và địa hình của điểm trồng rừng. Đất bỏ lên trên mặt luống, san phẳng để trồng cây.

5. Kỹ thuật trồng

a) Trồng bằng trụ mầm

Đối với trụ mầm cắm phần đuôi của trụ mầm xuống đất (khoảng 1/3 chiều dài trụ mầm).

b) Trồng bằng cây con có bầu

- Vận chuyển cây giống: Trước khi vận chuyển cây đến nơi trồng, cần đưa cây lên bờ từ 3-5 ngày cho ráo nước. Khi vận chuyển cây đến nơi trồng, cần cho cây vào khay, sọt hoặc dụng cụ sản xuất phù hợp ở từng địa phương, không được cầm thân cây hoặc ngọn cây nhắc lên tránh bầu vỡ, đứt rễ.

- Kỹ thuật trồng: Xé bỏ túi bầu trước khi trồng, không được làm vỡ bầu hay biến dạng bầu (Túi bầu sinh học phân hủy dưới 1 năm sau khi trồng, không cần bóc túi bầu). Đặt cây theo chiều thẳng đứng, mặt bầu cây thấp hơn mặt hố từ 3-5cm, sau khi lấp đất dùng tay nhấn chặt để bùn, đất nén chặt quanh bầu.

6. Trồng dặm

- Sau khi trồng từ 1-2 tháng tiến hành kiểm tra, nếu cây chết ít ($\leq 10\%$) và rải rác thì không trồng dặm. Cây chết nhiều hơn tỷ lệ nghiệm thu theo quy định hoặc chết thành đám, cần trồng dặm.

- Việc trồng dặm được tiến hành trong 3 năm đầu (năm trồng rừng và 2 năm tiếp theo).

- Cây trồng dặm phải là cây con có bầu, có tuổi bằng với tuổi cây đã trồng, quy cách cây con trồng dặm theo Bảng 6. Trong trường hợp trồng trụ mầm, áp dụng tỷ lệ tra dặm theo điều kiện trồng Nhóm I.

Bảng 6. Tỷ lệ trồng dặm Đà vôi theo nhóm lập địa

Điều kiện gây trồng	Tỷ lệ trồng dặm so với mật độ trồng chính		
	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
Nhóm I	15%	10%	5%
Nhóm II	20%	15%	10%
Nhóm III	25%	20%	15%

V. CHĂM SÓC, BẢO VỆ RỪNG

1. Chăm sóc rừng

Thời gian chăm sóc 5 năm (năm trồng và 4 năm chăm sóc).

- Số lần chăm sóc: Năm trồng, năm thứ 2, thứ 3: Từ 2-4 lần/năm; Năm thứ 4, 5: Từ 1-3 lần. Số lần chăm sóc tùy thuộc vào mức độ xâm lấn của thực bì ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng để thực hiện số lần chăm sóc phù hợp.

- Nội dung chăm sóc:

+ Sau khi trồng rừng từ 1-2 tháng, cần vớt bỏ rong, rêu, tảo, rác bám trên thân, lá tạo điều kiện cho cây con quang hợp tốt.

+ Dựng lại cây bị nghiêng, đổ.

+ Đối với rừng trồng trong các đầm nuôi thủy sản kết hợp cần kiểm soát tốt việc lấy nước, ú nước trong đầm, không để thời gian ngập nước quá 7 ngày.

+ Phát dây leo, cỏ dại xâm lấn; bảo vệ cây tái sinh mục đích.

2. Bảo vệ rừng

- Bảo vệ các loài thiên địch như chim ăn sâu, một số loài côn trùng có lợi như bọ ngựa, các loài ong ký sinh trên trứng và sâu non của sâu hại cây ngập mặn. Chọn và sử dụng các chế phẩm sinh học trong việc phòng trừ sâu hại như các chế phẩm Beauverine (B.B), Bacilline (B.T), Metarrhizium, v.v...

- Làm hàng rào bảo vệ xung quanh khu vực rừng trồng bằng vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Làm các biển báo nghiêm cấm các hoạt động khai thác, đánh bắt các loài thủy sản trong khu vực trồng rừng.

- Ngăn chặn các hành vi chặt, phá rừng, xâm hại rừng và phòng trừ các loài sinh vật, sâu bệnh hại.

- Các hoạt động nuôi trồng thủy sản, cần có phương án tránh tổn hại đến rừng trồng trong thời gian 5 năm đầu.

VI. NGHIỆM THU

- Nghiệm thu thực hiện theo quy định hiện hành.

- Tỷ lệ cây sống tối thiểu của rừng sau khi trồng dặm so với mật độ trồng ban đầu được quy định trong bảng 7.

Trong trường hợp gặp thời tiết bất thường như gió, bão, hạn hán. Cây chết cần có đánh giá của các bên liên quan.